

Bản án số: 317/2018/HS-PT
Ngày: 06-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân
2. Bà Đoàn Thị Hương Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương-Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Dương Ngọc Ân-Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý 223/2018/TLPT-HS ngày 31/5/2018 đối với bị cáo Lê T do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn A và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự số 32/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Lê T; sinh năm 1960; tại Thành phố H; nơi cư trú: Tổ 103, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố H; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; tôn giáo: Không; con ông Lê V (đã chết) và bà C (đã chết); có chồng là Lê Tấn Đ; có 04 con lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 28/9/2015 đến ngày 25/12/2015 được tại ngoại; có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:

Bà Nguyễn A, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 133 (lầu 2) đường H, Phường B, Quận B, Thành phố H; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn A: Luật sư Phan Thị T, Văn phòng luật sư Phan Thị T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh;

có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền làm ăn, Lê T nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem đi thế chấp cho người khác để vay tiền, do trước đây cùng làm môi giới nhà đất với B nên Liêu nhờ Thúy giúp. B tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK469815 mang tên Nguyễn Thị Đ là người đã chuyển nhượng cho Lê T, Liêu trả cho B 15.000.000 đồng. Đầu tháng 3/2013, B dẫn T gặp Nguyễn Ánh K và K đưa đến gặp bà Nguyễn A, T ký giấy biên nhận thỏa thuận vay của bà A 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) với lãi suất 7%/tháng và T đưa cho bà Tuyết bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Theo thỏa thuận, cứ sáu tháng T và bà A sẽ làm lại giấy tờ vay mượn tiền. Sau khi nhận tiền, T tự cho Kiệt 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền hoa hồng giới thiệu. K không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa cho bà A là giả.

Đến tháng 9/2014, do cần thêm tiền, T nhờ K dẫn đến gặp bà A để vay thêm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) với lãi suất 7%/ tháng. Bà A đồng ý cho T vay và cùng T ký một giấy chứng nhận tiền cọc đất với nội dung bà A đặt cọc cho T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để mua miếng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê T, số AK 469815. Khi ký Giấy chứng nhận tiền cọc đất, bà A không giao cho T khoản tiền nào khác ngoài khoản tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) mà T vay. Mục đích bà A làm Giấy chứng nhận tiền cọc đất là nếu như T không trả lại số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì bà A sẽ phát mãi miếng đất đã thế chấp. Bà A khai trong số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bà A cho T vay thì 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) là của bà A, 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là tiền của một người bạn bà A.

Mỗi tháng, T đều trả tiền lãi cho bà A, đến tháng 3/2015 T không đóng tiền lãi. Bà A có yêu cầu T đóng tiền lãi nhưng T không có khả năng đóng. Bà T nghi ngờ nên cầm bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê T số AK 469815 đi xác minh thì phát hiện là giả. Đến ngày 25/3/2015, bà A đã trình báo Công an Phường A, Quận A, sau đó lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận A.

Kết luận giám định số 844/KLGD-TT ngày 28/7/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 469815 tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965, ấp 3B xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 19/7/2007 ký hiệu A là giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/9/2015 đến ngày 25/12/2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và thời hạn kháng cáo.

Ngày 09/5/2018 bà Lê Thị L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo;

Ngày 07/5/2018 bà Nguyễn A kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường 80.000.000 đồng;

Ngày 23/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận A vì có nhiều vi phạm nghiêm trọng, quá trình điều tra xét xử lại đã không làm rõ những vấn đề liên quan được yêu cầu tại bản án hình sự phúc thẩm số 528 ngày 31/8/2016. Hành vi làm giả con dấu, tài liệu cơ quan tổ chức và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo đã thực hiện có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Việc tách vụ án đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không đúng, không đảm bảo việc điều tra đầy đủ khách quan và toàn diện vi phạm khoản 2 Điều 117 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (khoản 2 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015)

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê T và bà Nguyễn A giữ nguyên nội dung kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Hành vi sử dụng 47 sổ đỏ của Lê T liên quan đến vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra Quận 5 tách vụ án là không đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A để tiến hành điều tra, xét xử lại. Do hủy bản án nên không xem xét kháng cáo của bị cáo Lê T và bà Nguyễn A.

Luật sư tranh luận: Đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát về đề nghị hủy bản án sơ thẩm, Luật sư bổ sung ý kiến đó là sau khi xét xử sơ thẩm, Cơ quan điều tra mới tiến hành niêm phong các sổ đỏ bà Tuyết nộp để giám định là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo và đương sự không tham gia tranh luận.

Lời nói cuối cùng của bị cáo Lê T: Bị cáo không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê T và bà Nguyễn A, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Lê T những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền làm ăn, Lê T đã có hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đem đi thế chấp cho bà Nguyễn A để vay số tiền 80.000.000 đồng. Mỗi tháng, Liễu đều trả tiền lãi cho bà A và đã trả được 137.000.000 đồng, đến tháng 3/2015 T không còn khả năng tiếp tục đóng tiền lãi cho bà A, do nghi ngờ nên bà Tuyết cầm bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê T số AK 469815 đi xác minh thì phát hiện là giả. Đến ngày 25/3/2015, bà A đã trình báo Công an Phường A, Quận A, sau đó lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận A.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Lê T: Bản án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 24/4/2018 Tòa án nhân dân Quận 5 đã xét xử bị cáo Lê T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan nhà nước nên hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp, nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng gia đình khó khăn để cho bị cáo hưởng án treo.

[4] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn A yêu cầu bị cáo Liễu bồi thường số tiền 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản án sơ thẩm xét xử Lê T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, đây là loại tội phạm xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan nhà nước, không xâm phạm đến quyền về tài sản. Mặt khác, Cơ quan điều tra Quận A hiện đang tiến hành điều tra vụ án liên quan đến các đối tượng có hành vi chiếm đoạt tài sản của bà, sẽ được giải quyết yêu cầu của bà trong vụ án đó nếu có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà trong vụ án này, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[5] Về quan điểm của Luật sư: Qua xem xét biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu hồi 10 giờ ngày 21/5/2018 do cơ quan điều tra lập thu hồi 47 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà A cung cấp tại phiên tòa cho thấy việc lập biên bản niêm phong sau khi xét xử sơ thẩm nhưng trong bản án sơ thẩm lại nhận định: Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định 47 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do bà A giao nộp nhưng đến nay chưa có kết quả, điều này làm cho đương sự hiểu lầm nên cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Xét quyết định kháng nghị phúc thẩm số 18/QĐ-VKS-P7 ngày 23/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bản án số 528

ngày 31/8/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung. Ngày 28/3/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận 5 quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ-CAQ-CSHS về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 theo yêu cầu của bản án phúc thẩm.

Quá trình điều tra lại, cơ quan điều tra đã tiến hành cho bà Nguyễn A và Lê T đối chất. T khai nhận đã vay của bà A hai lần tổng cộng là 100.000.000 đồng từ tháng 5/2013 đến tháng 09/2014, lãi suất 7%/ tháng, số tiền lãi đã trả đến tháng 3/2015 là 137.200.000đ. Bà Nguyễn A khai chỉ cho Liễu vay lãi suất là 5%/ tháng, trong số tiền 100.000.000 đồng, bà Tuyết chỉ có 80.000.000 đồng còn 20.000.000 đồng của Vương Thị C. Xác minh tại địa phương Nguyễn Ánh K, Vương Thị C không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an Quận 5 quyết định tách vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi nào có đủ cơ sở sẽ tiếp tục xử lý. Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đem đi thế chấp cho bà Nguyễn A để vay số tiền 100.000.000 đồng đã cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Cấp sơ thẩm khi xét xử đã căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định về giới hạn của việc xét xử để xét xử đối với bị cáo Lê T là có căn cứ pháp luật. Vì vậy xét đề nghị hủy bản án để điều tra xét xử lại theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê T và bà Nguyễn A; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 267; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 của Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Lê T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/9/2015 đến ngày 25/12/2015.

Bị cáo Lê T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà Tuyết đã nộp 300.000 đồng

(theo biên lai thu số 0006372 ngày 06/7/2018 của Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Tòa án nhân dân Quận A; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1)
- Chi Cục THA Quận A; (1)
- VKSND Quận A; (2)
- Công an Quận A; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (21). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Châu